

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2017/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 20/02/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao cho Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2017;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2017/QĐ-UBND

ngày 16 / 3 / 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt (sau đây gọi tắt: CTR sinh hoạt) và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan trong việc quản lý CTR sinh hoạt phát sinh trong sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (kể cả tổ chức, cá nhân, hộ gia đình người nước ngoài đang cư trú tại các đô thị và các cụm dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk) có hoạt động liên quan đến CTR sinh hoạt phải chấp hành Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt” là khoản tiền phải trả hàng tháng của tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ công ích, xả thải hoặc có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. “Vận chuyển CTR sinh hoạt” là quá trình chuyên chở CTR sinh hoạt từ nơi phát sinh, điểm tập kết, lưu giữ, trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng, hoặc bãi chôn lấp cuối cùng.

3. “Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện” bao gồm phòng Quản lý Đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện.

4. “Đơn vị thực hiện dịch vụ công ích” (hay còn gọi “Chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt”) là các tổ chức, cá nhân được phép thực hiện các dịch vụ thu gom, vận chuyển, CTR sinh hoạt.

5. “Quy hoạch xây dựng” bao gồm quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh, Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, được lập, phê duyệt theo Luật Xây dựng 2014 và Luật Quy hoạch Đô thị.

Điều 3. Các hành vi bị cấm

1. Vứt, đổ CTR sinh hoạt không đúng nơi quy định; đổ CTR sinh hoạt ra vỉa hè, lòng đường, đổ ra hệ thống thoát nước, suối, ao hồ, kênh mương, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng.

2. Để lẫn CTR sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại. Để chất thải rắn xây dựng cùng CTR sinh hoạt ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường và làm hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Vận chuyển CTR sinh hoạt không che chắn, làm rơi vãi, bụi, nước rỉ rác gây bẩn đường phố, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Thực hiện thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt không đúng quy trình công nghệ; không đúng thời gian quy định gây ùn tắc giao thông; để CTR sinh hoạt lưu giữ quá thời gian quy định làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, không thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn theo quy trình.

5. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Hoạt động quản lý CTR sinh hoạt phải thực hiện các nguyên tắc chung về quản lý chất thải được quy định tại Điều 4, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. CTR sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn phát sinh; được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý CTR sinh hoạt theo hướng giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên, chi phí xử lý.

Chương II

PHÂN LOẠI, THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. CTR sinh hoạt được phân loại gồm 03 nhóm chính: Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật); Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh); Nhóm còn lại.

2. Các hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh cá thể phải tự thu gom, thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, có bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp, đảm bảo không để ngấm, rò rỉ nước rác và phát tán chất thải rắn ra môi trường. CTR sinh hoạt sau khi thu gom được tập kết ở trong hoặc trước nhà, công trình nơi thuận tiện để phương tiện của đơn vị dịch vụ công ích thu gom đúng theo lịch trình được thông báo.

3. Các tổ chức, cá nhân có trụ sở làm việc, cơ sở kinh doanh, sản xuất, dịch vụ ngoài các yêu cầu nêu tại Khoản 2, Điều này phải bố trí điểm thu gom, lưu giữ CTR sinh hoạt trong phạm vi do mình quản lý và phải ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ công ích để vận chuyển về nơi xử lý.

4. Trên các tuyến đường phố, quảng trường, nơi công cộng tập trung đông người, các đơn vị vệ sinh môi trường phải đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận tiện để phục vụ việc thu gom, lưu giữ CTR sinh hoạt. Vị trí đặt các thùng rác công cộng phải được thông báo trước cho cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện để thống nhất quản lý vệ sinh môi trường, mỹ quan và trật tự giao thông đô thị.

Điều 6. Điều kiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt chỉ được phép hoạt động khi các phương tiện, thiết bị, máy chuyên dụng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành.

2. Chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt căn cứ kế hoạch thực hiện dịch vụ được cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện giao, thông báo lịch trình dịch vụ (thời gian, tần

suất, phương thức thu gom chất thải rắn) cho các đối tượng phục vụ, vùng phục vụ và đồng thời thông báo UBND cấp xã nơi phục vụ để thống nhất theo dõi quản lý hoạt động vệ sinh trên địa bàn do mình phụ trách.

3. CTR sinh hoạt rơi vãi trên đường, hè phố, nơi công cộng,... phải được các Đơn vị dịch vụ công ích thu gom, quét dọn và chủ động khắc phục khi phát sinh các trường hợp mất vệ sinh môi trường, mất an toàn giao thông do chất thải rắn phát sinh (phế thải xây dựng; CTR sinh hoạt rơi vãi).

4. Trong quá trình vận chuyển CTR sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi; tuân thủ quy định khi vào khu xử lý chất thải rắn.

5. CTR sinh hoạt được vận chuyển về các khu xử lý để tái chế, tái sử dụng, xử lý, tiêu hủy hoặc chôn lấp theo quy định. Đối với các trường hợp sử dụng các điểm trung chuyển CTR sinh hoạt, các đơn vị thực hiện việc vận chuyển chất thải rắn từ điểm trung chuyển hoặc điểm tập kết tạm thời về nơi xử lý tập trung đảm bảo thời gian lưu giữ chất thải tại các điểm trung chuyển, điểm tập kết không quá 48 giờ.

Điều 7. Lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. CTR sinh hoạt được xử lý theo các công nghệ: Chế biến phân hữu cơ; đốt; Chôn lấp hợp vệ sinh; các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong CTR sinh hoạt; các công nghệ khác thân thiện với môi trường. Công nghệ xử lý phải phù hợp với tính chất, thành phần CTR sinh hoạt và điều kiện cụ thể của từng địa phương, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong kết quả phê duyệt liên quan đến quy định về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường.

2. Lựa chọn công nghệ xử lý CTR sinh hoạt là một nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (gọi chung là dự án đầu tư) được lập, thẩm định, phê duyệt theo các quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 59/2007/NĐ-CP.

3. Trường hợp dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), công nghệ xử lý CTR sinh hoạt là một trong những nội dung phê duyệt đề xuất dự án theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Tiêu chí lựa chọn Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt thực hiện theo các yêu cầu quy định tại Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

5. Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt được phép áp dụng làm cơ sở để xác định mức chi phí xử lý CTR sinh hoạt, giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt.

Điều 8. Quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. UBND cấp huyện là chủ sở hữu cơ sở xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm:

a) Cơ sở xử lý CTR sinh hoạt do mình làm chủ đầu tư, được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách;

b) Nhận chuyển giao từ các chủ đầu tư khác, khi dự án đã kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

2. Chủ sở hữu cơ sở xử lý CTR sinh hoạt nêu tại Khoản 1, Điều này, lựa chọn chủ xử lý CTR sinh hoạt có đủ năng lực hoạt động thông qua các hình thức đấu thầu, đặt

hàng theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

3. Đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư ngoài ngân sách, việc quản lý, vận hành thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Điều 9. Yêu cầu vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Đơn vị được giao quản lý, vận hành có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình công nghệ theo quy định tại Điều 7 quy định này và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cơ sở xử lý CTR sinh hoạt trước khi chính thức hoạt động phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường theo Điều 21, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Quản lý trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Trạm trung chuyển CTR sinh hoạt cố định được xác định phải phù hợp quy hoạch xây dựng được duyệt, được đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các điều kiện bảo vệ môi trường trước khi đưa vào sử dụng. Bản vẽ tổng mặt bằng, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật được thể hiện trong báo cáo kinh tế kỹ thuật (hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi), được thẩm định, phê duyệt theo trình tự đầu tư xây dựng hiện hành.

2. Trạm trung chuyển CTR sinh hoạt cố định được đầu tư từ ngân sách Nhà nước, UBND cấp huyện giao cho các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm hoặc đơn vị sự nghiệp có chức năng thực hiện quản lý, vận hành.

3. Các trạm trung chuyển CTR sinh hoạt nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này được bố trí đảm bảo thuận tiện giao thông, không cản trở hoạt động giao thông chung, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Chương III

GIÁ DỊCH VỤ VÀ KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HOÁ HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 11. Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ CTR sinh hoạt phát sinh từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nơi công cộng bao gồm các nguồn thu từ dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trong vùng dịch vụ, ngân sách được phân bổ hàng năm của địa phương và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt chi trả từ nguồn ngân sách địa phương được xác định theo kết quả phê duyệt dự toán chi phí hàng năm được UBND cấp huyện giao.

Điều 12. Thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trụ sở, nhà, công trình cư trú trong vùng được cung cấp dịch vụ vệ sinh (thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt từ điểm tập kết đến địa điểm xử lý), có trách nhiệm trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt hàng tháng theo giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt do UBND tỉnh ban hành.

2. Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt từ trụ sở các tổ chức; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được thực hiện theo hợp đồng dịch vụ giữa chủ phát sinh và chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

3. Đơn vị vệ sinh môi trường (chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt) thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt hàng tháng trong vùng được UBND cấp huyện giao cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường, theo Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Dự toán chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện tổ chức lập dự toán chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trong Quý IV của năm trước kế hoạch. Chi phí thuê tư vấn lập dự toán chi phí dịch vụ công ích (nếu có) thuộc chi phí khác trong dự toán chi phí dịch vụ.

2. Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi phí thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt trên cơ sở đề nghị của UBND cấp huyện.

Điều 14. Phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng chủ trì lập phương án giá, theo Điều a, Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2. Đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình thẩm định, phê duyệt phương án giá trong phạm vi dự án do mình đầu tư và khai thác, theo Điều b, Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

3. Sở Tài chính chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này. Giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá quy định tại Khoản 2, Điều 25; Khoản 1 Điều, 26, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

4. Giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt được UBND tỉnh phê duyệt là căn cứ để UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân ký hợp đồng dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt.

Điều 15. Xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt; đầu tư xây dựng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý CTR sinh hoạt.

2. Các tổ chức, cá nhân (gọi chung là Nhà đầu tư) có thể đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo phương thức xã hội hóa với các nội dung sau đây:

a) Đầu tư thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc cơ sở xử lý CTR sinh hoạt; xây dựng các trạm trung chuyển CTR sinh hoạt;

b) Mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý CTR sinh hoạt;

c) Đầu tư chuyển giao công nghệ xử lý CTR sinh hoạt;

3. Nhà đầu tư có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý CTR sinh hoạt được hưởng đầy đủ các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Đề xuất đầu tư đối với các dự án xử lý CTR sinh hoạt của các Nhà đầu tư nêu tại Khoản 2, Điều này được thực hiện theo Quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN**Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành****1. Sở Xây dựng**

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh quy định; Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được duyệt theo các quy định hiện hành. Thực hiện quản lý hoạt động đầu tư xây dựng theo quy hoạch tại các công trình xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, tổ chức phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập phương án giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt để Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Hướng dẫn vận dụng, áp dụng định mức được Bộ Xây dựng công bố phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Tham mưu UBND tỉnh ban hành, công bố đơn giá dịch vụ công ích đô thị. Hướng dẫn phương pháp lập dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện và chủ xử lý CTR sinh hoạt, định kỳ hàng năm kiểm tra hoạt động vận hành, đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

e) Phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý CTR sinh hoạt, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được UBND tỉnh giao;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn theo phân công của UBND tỉnh, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn, các khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn UBND cấp huyện và các Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trên địa bàn thực hiện quản lý CTR sinh hoạt, kiểm tra thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Tham gia đánh giá năng lực về bảo vệ môi trường trong công tác đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện, tham mưu UBND tỉnh xử lý;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường của bãi chôn lấp chất thải rắn và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động;

f) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn thuộc lĩnh vực được phân công, phụ trách theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm đảm bảo cho hoạt động quản lý chất thải rắn trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Xây dựng và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh quyết định mức bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho lĩnh vực xử lý chất thải rắn, làm cơ sở bố trí kinh phí cho từng cơ sở xử lý chất thải rắn tổ chức thực hiện.

c) Hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư, quản lý chất thải rắn.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt; giá tối đa dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích mọi hình thức đầu tư cho lĩnh vực liên quan đến chất thải rắn (thu gom, vận chuyển, xử lý) theo quy định của pháp luật.

b) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

c) Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR theo quy định.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND cấp huyện hoặc cơ quan trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn và các đơn vị có liên quan thẩm định công nghệ, giá đề xuất dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt, áp dụng cơ chế hỗ trợ đầu tư, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án đề xuất đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

e) Chủ trì, phối hợp các sở ngành và các đơn vị có liên quan theo dõi hoạt động đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư được cấp. Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được phân công.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Công bố, công khai và thực hiện quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn do mình quản lý. Huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

2. Tổ chức điều tra, đánh giá lượng CTR sinh hoạt phát sinh, xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn theo định kỳ.

3. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt; Phân công trách nhiệm kiểm tra, xử lý hành chính các hoạt động vi phạm môi trường, quản lý CTR sinh hoạt.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân tích cực vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý CTR sinh hoạt.

6. Phân công theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ các chỉ tiêu về quản lý CTR sinh hoạt theo các quy định giám sát chỉ tiêu phát triển bền vững trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển CTR sinh hoạt tại các thôn, làng, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản về CTR sinh hoạt.

2. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn; vận động nhân dân thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với UBND các cấp kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý CTR sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

4. Kiểm tra việc chấp hành các quy định quản lý CTR sinh hoạt đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn do mình quản lý; Đề xuất UBND cấp huyện phê duyệt hình thức tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt đối với các xã nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của từng địa phương.

5. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ về tình hình quản lý CTR sinh hoạt trên địa bàn do mình quản lý theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cá nhân, hộ gia đình

a) Các hộ gia đình, cá nhân phải sử dụng dụng cụ chứa hợp vệ sinh hoặc đựng trong các túi phù hợp với phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn, để CTR sinh hoạt đúng nơi tập kết hoặc nơi thuận lợi cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt, theo thời gian, lịch trình thu gom được thông báo.

b) Khi có các hoạt động làm phát sinh chất thải rắn với khối lượng lớn, ngoài khả năng thu gom theo kế hoạch thu gom của Chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. (như cải tạo, di dời, phá dỡ công trình xây dựng, thu dọn vườn, chặt hạ cây xanh trong khuôn viên nhà, công trình...). Hộ gia đình, cá nhân phải ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân có năng lực, thiết bị, phương tiện chuyên dùng vận chuyển chất thải rắn, đổ đúng nơi quy định.

c) Các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực đô thị, khu dân cư tập trung được phép hoạt động tổ chức sản xuất tại nơi ở phải có trách nhiệm phân loại chất thải, hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

d) Các hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực ngoài vùng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, hoặc đưa về nơi tập kết bãi trung chuyển CTR sinh hoạt được quy định. Không được đổ chất thải rắn ra đường giao thông, sông, ao hồ, suối, các nguồn nước mặt và khu công cộng khác.

e) Có nghĩa vụ trả phí dịch vụ vệ sinh theo quy định.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài phạm vi khu cụm công nghiệp

a) Phải thực hiện thu gom, phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn bằng các dụng cụ hợp vệ sinh theo hướng dẫn của đơn vị thu gom, vận chuyển.

b) Ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt; thanh toán phí dịch vụ theo hợp đồng.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Tuân thủ quy trình công nghệ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định về giao thông, vận chuyển chất thải rắn, quy chế quản lý đô thị.

2. Thông báo bằng văn bản đến chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn các thông tin về thực hiện dịch vụ, gồm:

a) Thời gian, tần suất thu gom CTR sinh hoạt của từng khu vực trong vùng phục vụ;

b) Địa điểm đặt dụng cụ chứa CTR sinh hoạt, công dụng của từng loại thùng chứa tại các trục hè đường, tuyến phố, nơi công cộng.

3. Đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý CTR sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các lực lượng có thẩm quyền xử lý.

4. Thực hiện thu phí dịch vụ vệ sinh trên địa bàn được giao theo quy định.

5. Đảm bảo các yêu cầu, quy trình kỹ thuật trong quá trình thu gom, vận chuyển. Không làm rơi, vãi CTR sinh hoạt, phát tán mùi gây ô nhiễm môi trường.

6. Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ lao động cho công nhân, đủ điều kiện, năng lực thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt theo quy định.

7. Phối hợp với địa phương vùng cung cấp dịch vụ tuyên truyền, vận động bằng các hình thức thiết thực, hiệu quả đến mọi tổ chức, cá nhân hưởng ứng, tham gia và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trong quản lý CTR sinh hoạt.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, hoàn thành hồ sơ đề nghị xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt tổ chức quản lý vận hành cơ sở, giám sát chất thải, các sự cố môi trường và một số nội dung yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

2. Tuân thủ quy trình công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại CTR sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Chủng loại, thành phần chất thải rắn tiếp nhận, xử lý phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn.

4. Quản lý, vận hành bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải rắn thông thường theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

5. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định. Thực hiện công tác Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và chuyên

đề theo đề nghị của UBND cấp huyện thuộc địa bàn phục vụ, các sở chuyên ngành cấp tỉnh.

6. Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo định kỳ được duyệt.

7. Thực hiện kế hoạch an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

8. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn do mình được giao quản lý, vận hành.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, phòng ngừa, kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm trong hoạt động quản lý CTR sinh hoạt.

2. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý CTR sinh hoạt gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm, hình thức và mức độ xử lý được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hành vi cố ý vi phạm và gây hậu quả nghiêm trọng về môi trường có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị